

Số: ~~167~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 02 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Kết luận số 06-KL/TW ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư khóa IX về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-TTg ngày 22/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 42/TTr-KHCN ngày 12/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với nội dung chính như sau:

#### I. Mục tiêu

##### 1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2020

Ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông- lâm- ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, y - dược, bảo vệ môi trường nhằm phục vụ tốt nhu cầu cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tạo nền sản xuất xanh, sạch; bảo vệ sức khỏe người dân; khắc phục tình trạng ô nhiễm, bảo vệ tài nguyên, môi trường; tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho người dân, đóng góp thiết thực vào thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao ứng dụng có hiệu quả các thành tựu công nghệ sinh học mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng từ 10 - 12 mô hình, dự án có nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Phấn đấu đến năm 2020, cung cấp cơ bản đủ giống cây, con chủ lực có năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ sản xuất nông - lâm - thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, ươm tạo ra được 04 - 05 loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Thành lập 02 - 03 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và dịch vụ ứng dụng công nghệ sinh học.

- Đào tạo, bồi dưỡng, thu hút từ 2 - 3 tiến sĩ, 10 - 15 thạc sĩ công nghệ sinh học về công tác tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **II. Các nhiệm vụ chủ yếu**

### **1. Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và phát triển nông thôn**

#### **a) Nội dung:**

Tập trung nghiên cứu chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao phục vụ tốt yêu cầu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản trên thị trường; tăng nhanh tỷ lệ sản phẩm nông lâm thủy sản qua chế biến để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

- *Về cây trồng:* Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen, công nghệ vi nhân giống để tạo ra các loại giống cây trồng nông nghiệp có đặc tính ưu việt, sạch bệnh, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, có khả năng chống chịu với điều kiện biến đổi khí hậu và phù hợp thổ nhưỡng của tỉnh, nhất là các giống mới về lúa, mía, sắn, ngô, lạc, hành, tỏi, các loại hoa, rau, nấm và một số cây ăn quả, cây dược liệu mà tỉnh có khả năng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, phù hợp với nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp, cây bản địa có tốc độ sinh trưởng và khả năng chống chịu sâu bệnh cao, chất lượng gỗ tốt đáp ứng yêu cầu trồng, bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp.

- *Về vật nuôi:* Tập trung nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng các công nghệ về sinh sản, đặc biệt là công nghệ sản xuất, bảo quản tinh đông lạnh và phương pháp thụ tinh nhân tạo để lai tạo ra các giống gia cầm, gia súc (gà, lợn, bò,...) có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường; đồng thời sử dụng rộng

rãi công nghệ biogas, công nghệ đệm lót sinh học và các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi.

- *Về thủy, hải sản:* Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, cung cấp giống thủy, hải sản có chất lượng cao, kháng bệnh tốt phục vụ nhu cầu phát triển nuôi trồng thủy, hải sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực nghiệm các phương pháp sinh sản nhân tạo và đưa vào sản xuất đại trà khi có điều kiện đối với một số loại thủy, hải sản có giá trị kinh tế cao phục vụ xuất khẩu; sử dụng rộng rãi các chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường nuôi, chế biến thức ăn thủy sản, phòng trừ dịch bệnh, chế biến sản phẩm và bảo quản thủy, hải sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- *Về vi sinh vật:* Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vi sinh và sử dụng các chế phẩm công nghệ sinh học dùng trong bảo vệ cây trồng, vật nuôi, cải tạo đất, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, chế biến và bảo quản nông lâm thủy sản thực phẩm, sản xuất thức ăn chăn nuôi, làm sạch nước sinh hoạt và xử lý các phụ phẩm, phế phẩm, chất thải từ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến và sinh hoạt nông thôn.

- *Về bảo tồn gen:* Nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong công tác sưu tầm, lưu giữ, khai thác và phát triển các nguồn gen cây trồng, vật nuôi quý hiếm trên địa bàn tỉnh; xác lập các giống cây trồng vật nuôi đặc sản, các loại dược liệu bản địa có giá trị cao, xây dựng mô hình nuôi trồng thực nghiệm để làm cơ sở cho việc bảo tồn đa dạng sinh học, bảo hộ giống, xây dựng thương hiệu, đánh giá đa dạng di truyền của hệ cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các tổ chức nghiên cứu khoa học và UBND các huyện, thành phố.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

## **2. Lĩnh vực công nghiệp chế biến**

a) Nội dung:

- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện các quy trình công nghệ và thiết bị ứng dụng công nghệ enzym để sản xuất, chế biến các loại thực phẩm, đồ uống, nhất là sản xuất đường, tinh bột, bia rượu, nước chấm, nước giải khát,... nhằm phục vụ cho việc mở rộng, nâng cấp các cơ sở chế biến thực phẩm, sản xuất bia, nước giải khát trên địa bàn của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các thành tựu mới của công nghệ sinh học vào trong các khâu bảo quản, sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm, phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Nghiên cứu ứng dụng rộng rãi các chế phẩm công nghệ sinh học trong các cơ sở sản xuất phân bón, chế biến thức ăn chăn nuôi, xử lý chất thải công nghiệp và sinh hoạt đảm bảo môi trường.

- Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới để sản xuất kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm, hàng hóa chủ lực do công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghệ chế biến tạo ra.

- Hình thành, phát triển các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học; khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào các hoạt động tiếp nhận và chuyển giao công nghệ sinh học để phục vụ phát triển công nghiệp chế biến.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghệ Quảng Ngãi và UBND huyện, thành phố.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

### **3. Lĩnh vực y tế và bảo vệ sức khỏe cộng đồng**

a) Nội dung:

- Tăng cường nghiên cứu tiếp nhận và triển khai ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác y tế dự phòng, chẩn đoán, khám và điều trị bệnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong việc xác định các vi sinh vật gây bệnh nhằm hỗ trợ cho công tác chẩn đoán, điều trị các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong khâu xét nghiệm chẩn đoán, hỗ trợ điều trị bệnh và chẩn đoán các đột biến kháng thuốc của các vi sinh vật gây bệnh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học về di truyền chọn giống vào công tác bảo tồn lưu giữ, khai thác và phát triển các nguồn dược liệu quý hiếm trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các tổ chức nghiên cứu khoa học, các tổ chức y tế và UBND huyện, thành phố.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

### **4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**

a) Nội dung:

- Nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo sản phẩm xanh, sạch, thân thiện môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người dân và sự phát triển bền vững.

- Tập trung ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý các loại rác thải, nước thải, chất thải gây ô nhiễm ngay tại cơ sở, nhất là ở các khu công nghiệp, các bệnh viện, các trung tâm thương mại, chợ, các khu dân cư, khu đô thị,... Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý tái chế chất thải, sản xuất năng lượng tái tạo từ các nguồn phế thải, chất thải nông nghiệp, nông thôn;...

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học để phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên (tài nguyên biển, rừng, đất đai, nước, không khí, tài nguyên đa dạng sinh học,...), giữ gìn, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên vì mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh nhà và đất nước.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các tổ chức nghiên cứu khoa học, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghệ tỉnh và UBND huyện, thành phố.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

### **5. Lĩnh vực an ninh quốc phòng:**

a) Nội dung:

- Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp phòng, chống các loại vũ khí sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất độc màu da cam (dioxin).

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong đấu tranh phòng chống, truy tìm tội phạm, quản lý nguồn nhân lực, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, quốc phòng.

b) Cơ quan chủ trì: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, các tổ chức nghiên cứu khoa học, Bộ Chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố và UBND các huyện, thành phố.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

### **6. Xây dựng và phát triển tiềm lực cho công nghệ sinh học:**

a) Nội dung:

- Về cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các cơ quan nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa

bản tỉnh. Đầu tư tập trung, đúng mức, đồng bộ và phát huy hiệu quả các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học; trước mắt, ưu tiên tập trung đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2 để nâng cao tiềm lực Trại nghiên cứu thực nghiệm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực: Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực khoa học đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh; chú trọng đào tạo, thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên và đào tạo theo nhóm nghiên cứu về công nghệ sinh học; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân du học tự túc bậc đại học, sau đại học về công nghệ sinh học.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

d) Thời gian thực hiện: 2016-2020.

### III. Các giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; đẩy mạnh và đa dạng hóa các loại hình tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị 50-CT/TW, Kết luận 06-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ, nội dung Kế hoạch tổng thể phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học ở Việt Nam đến năm 2020 và Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 đến các cấp, các ngành, địa phương và cộng đồng dân cư.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị cho công nghệ sinh học; tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; lựa chọn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả cao; chú trọng huy động nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp và người sản xuất cho phát triển công nghệ sinh học của tỉnh.

3. Thu hút các dự án nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học đầu tư hoạt động trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nông - lâm - thủy sản, đầu tư phát triển công nghệ sinh học; phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực ... cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển ngành công nghiệp sinh học.

4. Hàng năm, bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh và kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; huy động các nguồn vốn hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào công tác nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học.

5. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, cơ chế chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ sinh học và sản xuất và đời sống; chính sách xã hội hoá trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học.

6. Hợp tác tốt với các đơn vị nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có thế mạnh về công nghệ sinh học trên địa bàn cả nước; đẩy mạnh việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất; đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ, trong đó, tranh thủ ứng dụng các dự án chuyển giao công nghệ phù hợp với địa phương; tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển mạnh công nghệ sinh học trong các lĩnh vực.

#### **IV. Kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học đến năm 2020 là 70 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 60 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ các tổ chức và cá nhân tham gia và thụ hưởng từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (ngoài ngân sách): 10 tỷ đồng.

(Bảng danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện kèm theo).

- Việc lập, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách thực hiện hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Khoa học và Công nghệ:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch; hàng năm, có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh trước ngày 30/12; định kỳ 3 năm sơ kết, 5 năm tổng kết; tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế hàng năm.

b) Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức tuyển chọn, quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các quy định hiện hành của pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực công nghệ sinh học và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn.

2. Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và căn cứ mục tiêu, nội dung của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể và hàng năm đề xuất các nhiệm vụ khoa học và

công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Sở ngành về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

3. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính cân đối, bố trí vốn để triển khai, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh xác định hàng năm.

4. UBND các huyện và thành phố có trách nhiệm tuyên truyền sâu rộng nội dung Kế hoạch đến cán bộ công chức, viên chức và người dân để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn huyện, thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4,
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CN-XD, KG-VX, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt52.



**Đặng Văn Minh**





Phụ lục:

**LIÊN TỈNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020**

*(theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nuôi cấy mô thực vật sản xuất giống các loại cây trồng (keo lai, chuối mốc, hoa lan hồ điệp) có giá trị kinh tế của tỉnh	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	2018 - 2020	4,5	Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh
2	Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh Khu vực Miền Trung	Trung tâm giống Quảng Ngãi	- Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Miền Trung - Trung tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung	2017 - 2019	1,99	- Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 1.54 tỷ đồng  - Vốn ngoài ngân sách: 0.45 tỷ đồng
3	Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất, bảo quản tinh đông lạnh ở heo	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	2018 - 2020	10	-nt-
4	Cải thiện tầm vóc giống trâu địa phương bằng giống trâu Murah (nhảy trực tiếp và thụ tinh nhân tạo)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Ngãi	UBND các huyện liên quan	2018-2020	2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh
5	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi	Trung tâm	Trạm khảo kiểm	2018 - 2020	3	-nt-

	sinh chức năng và phân hữu cơ vi sinh phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững	Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	nghiệm giống cây trồng Miền Trung và Tây Nguyên			
6	Xây dựng mô hình ứng dụng các chế phẩm vi sinh vật để xử lý phế thải, phụ phẩm nông nghiệp thành phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho cải tạo đất hoang hoá ven biển tỉnh Quảng Ngãi	Viện Tài nguyên và Môi trường – Đại học Huế	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi	2018-2020	0,85	-nt-
7	Nghiên cứu các chỉ tiêu nông học, sinh hoá và di truyền nhằm phát triển bền vững ngành trồng hành tỏi Lý Sơn	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	UBND huyện Lý Sơn và các đơn vị liên quan	2018-2020	1,5	-nt-
8	Tuyển chọn, nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống Gà H're Quảng Ngãi	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	Trạm Khuyến nông các huyện	2016 – 2017	0,559	Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh
9	Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen giống lợn bảo địa, “lợn kiềng sắt”	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ	Trạm Khuyến nông các huyện	2016 – 2017	0,533	-nt-
10	Nghiên cứu, chọn lọc và sử dụng nguồn nấm men <i>Saccharomyces Carlsbergensis</i> có khả năng tạo ra nhiều loại hợp chất có mùi thơm nhằm nâng cao chất lượng sản xuất bia	Nhà máy bia Dung Quất – Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi		2018-2020	3	- Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 0.9 tỷ đồng - Vốn của doanh nghiệp: 2.1 tỷ đồng
11	Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ	Phòng Nông	Công ty TNHH	2018 – 2019	3,5	- Sự nghiệp khoa

	nghe sản xuất nấm Đông Trùng hạ thảo (Cordyceps Militaris) trên nguồn cơ chất tổng hợp	nghe và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh	MTV nấm dược liệu Ninh Trương			học và công nghệ cấp tỉnh: 2 tỷ đồng - Vốn của doanh nghiệp: 1.5 tỷ đồng
12	Các nhiệm vụ khoa học công nghệ khác	Các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì	Các đơn vị liên quan	2018-2020	15,388	- Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 9.438 tỷ đồng - Vốn ngoài ngân sách: 5.95 tỷ đồng
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>70</b>	- Sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 60 tỷ đồng - Vốn ngoài ngân sách: 10 tỷ đồng